

UNIT 24: PEOPLE AND DAILY LIFE

Topic Vocabulary

	(v) thừa nhận
	(adj) bất hợp pháp
	(adj) có trách nhiệm
	(adj) điển hình, phổ biến
	(adj) quen thuộc, thông thạo
	(adj) thuộc về xã hội
	(n) chính quyền
	(n) chính trị
	(n) cộng đồng
	(n) cư dân
	(n) dân cư
	(n) lịch trình
	(n) nhà tù
	(n) phong tục, truyền thống
	(n) thẻ căn cước
	(n) thói quen, nề nếp
	(n) thói quen, tập quán
	(n) tình hình, tình huống
	(n) tòa án
	(n) tội phạm
	(adj) có tội
	(n) từ thiện
	(n) xã hội
	(v) ăn trộm
	(v) bắt giữ
	(v) bầu chọn
	(n) phiếu bầu
	(v) cướp đoạt
	(v) phạm tội

	(v) phản kháng, phản đối
	(n) sự phản đối, sự phản kháng
	câu lạc bộ thanh thiếu niên

Phrasal Verbs

	đột nhập bất hợp pháp
	bắt kịp với
	chạy thoát, trốn khỏi
	cửa chén, ly
	dọn vào nhà mới
	rời giường ngủ
	thức dậy
	trả lại nơi thuộc về

Prepositional phrases

	phạm uật
	đáp lại ai đó, trả lời ai đó
	giữ liên lạc với ai đó
	ở độ tuổi
	ở độ tuổi đôi mươi
	ở độ tuổi thanh thiếu niên
	ở nơi công cộng

Word Formation

	(v) đồng ý
	(adj) bất bình đẳng
	(adj) bình yên
	(adj) can đảm, dũng cảm
	(adj) có thể tin được
	(adj) còn sống, còn tồn tại
	(adj) công bằng, bình đẳng
	(adj) không thể tin được
	(adj) thuộc quốc gia

	(adj) thuộc quốc tế
	(adv) một cách yên bình
	(n) cuộc bầu cử, cuộc tuyển cử
	(n) dân tộc, đất nước
	(n) hiệp định, sự đồng ý
	(n) lòng can đảm
	(n) một tình huống mà bị bắn thương
	(n) nhà tù, sự giam giữ
	(n) niềm tin, sự tin tưởng
	(n) phát bắn
	(n) quốc tịch
	(n) sự công bằng, sự bình đẳng
	(n) sự hòa bình, sự yên bình
	(n) sự sống, cuộc sống
	(n) tù nhân
	(v) bắn
	(v) bầu chọn
	(v) không đồng ý
	(v) sống, sinh tồn
	(v) tin tưởng

Word Patterns

	tức giận với ai về điều gì
	buộc tội ai đó về điều gì
	chia sẻ cái gì với
	có tội
	đổ lỗi cho ai về điều gì
	đổ lỗi việc gì cho ai
	mỉm cười với ai
	mời ai đó tới đâu
	phê bình, chỉ trích ai đó về điều gì
	quên về điều gì
	tha thứ cho ai về điều gì

	trùng phạt ai đó về cái gì
--	----------------------------